

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo Chuyên khoa II chuyên ngành Tai Mũi Họng cập nhật năm 2022

#### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-HĐTTĐHYD ngày 10/8/2020 của Hội đồng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2672/QĐ-ĐHYD ngày 28/12/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 610/QĐ-ĐHYD ngày 09/04/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành mẫu Bản mô tả chương trình đào tạo và Đề cương chi tiết học phần;

Căn cứ Công văn số 1398/ĐHYD-TTKT ngày 22/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc thống nhất cách viết mục tiêu, chuẩn đầu ra CTĐT sau đại học theo mẫu chung;

Xét đề nghị của Trường phòng Thanh tra - Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục,

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo Chuyên khoa II chuyên ngành Tai Mũi Họng cập nhật năm 2022 (kèm theo).

**Điều 2.** Các Ông (Bà) Trưởng các Khoa, Phòng chức năng và Bộ môn liên quan tổ chức xây dựng đề cương chi tiết các học phần thuộc chương trình đào tạo; áp dụng từ năm học 2021-2022.

**Điều 3.** Các Ông (Bà) Trưởng các Khoa, Phòng chức năng và Bộ môn liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: *Handwritten signature*

- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Như Điều 3;
- Website trường;
- Lưu: VT, ĐT, TT-KT.



PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng

# BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA II CHUYÊN NGÀNH TAI MŨI HỌNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 200 /QĐ-ĐHYD ngày 28 tháng 1 năm 2022  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên)

## I. Thông tin chung (General Information)

- Tên trường/cơ sở cấp bằng: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.
- Cơ sở đào tạo, giảng dạy: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.
- Tên chương trình đào tạo
  - Tên tiếng Việt: Chuyên khoa II chuyên ngành Tai - Mũi - Họng
  - Tên tiếng Anh: The Second Level Specialist in Otorhinolaryngology.
- Thông tin về kiểm định: Trường đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng theo Quyết định số 128/QĐ-HĐKĐCLGD ngày 25/12/2017 của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng - Hiệp hội Các trường Đại học cao đẳng Việt Nam.
- Trình độ đào tạo: Chuyên khoa II
- Ngành đào tạo: Tai - Mũi - Họng
- Mã ngành đào tạo: CK 62725305
- Thời gian đào tạo: 02 năm
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
- Hình thức đào tạo: Tập trung
- Danh hiệu văn bằng
  - Tên tiếng Việt: Bác sĩ chuyên khoa II chuyên ngành Tai - Mũi - Họng
  - Tên tiếng Anh: The Second Level Specialist in Otorhinolaryngology

## II. Mục tiêu chương trình đào tạo (Program Educational Objective - PEO)

Mục tiêu	Mô tả Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, người học đạt các mục tiêu sau:	Phù hợp		
		Sứ mạng	Tâm nhìn	Luật Giáo dục
<b>I. Kiến thức</b>				
PEO 1	Vận dụng thành thạo kiến thức về khoa học cơ bản, cơ sở ngành, chuyên ngành, phương pháp luận nghiên cứu khoa học và phương pháp giảng dạy lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp.	✓		✓

<b>II. Kỹ năng</b>				
PEO 2	Thực hiện thành thạo các kỹ năng chuyên sâu trong chuyên ngành Tai – Mũi – Họng và các kỹ năng khám, chẩn đoán, xử trí, chỉ định xét nghiệm, điều trị, tiên lượng và dự phòng các bệnh Tai – Mũi – Họng.	✓	✓	✓
PEO 3	Tham gia tổ chức, quản lý và điều hành các hoạt động chuyên môn. Giao tiếp, truyền đạt và phối hợp hiệu quả trong thực hành nghề nghiệp.	✓	✓	✓
PEO 4	Làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển. Suy luận, phân tích các vấn đề khoa học và đưa ra những hướng dẫn xử lý một cách sáng tạo, độc đáo.	✓	✓	✓
<b>III. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm</b>				
PEO 5	Chủ động đưa ra những sáng kiến cải tiến, phán quyết và quyết định mang tính chất chuyên gia trong chuyên ngành Tai – Mũi – Họng. Chủ động thích ứng với môi trường thay đổi, không ngừng học tập, nghiên cứu, tự định hướng và dẫn dắt những người khác.	✓	✓	✓

### III. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (Program Learning Outcome)

Chuẩn đầu ra	Mô tả chuẩn đầu ra <i>Người học tại thời điểm tốt nghiệp:</i>	Phân loại	
		Chuẩn đầu ra chung	Chuẩn đầu ra chuyên biệt
<b>I. Kiến thức</b>			
PLO 1	Vận dụng hiệu quả kiến thức triết học, pháp giảng dạy lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp.	✓	
PLO 2	Vận dụng thành thạo kiến thức chuyên sâu về cơ sở và chuyên ngành để chẩn đoán, điều trị, theo dõi, tiên lượng và dự phòng được các các bệnh Tai - Mũi - Họng thông thường, chuyên sâu và các cấp cứu trong Tai - Mũi - Họng.		✓
<b>II. Kỹ năng</b>			
PLO 3	Thực hiện thành thạo chẩn đoán, xử trí, tiên lượng và dự phòng các bệnh Tai - Mũi - Họng thông thường, chuyên sâu và các cấp cứu trong Tai - Mũi - Họng.		✓
PLO 4	Chỉ định và phân tích thành thạo các xét nghiệm phục vụ chẩn đoán và điều trị các bệnh Tai - Mũi - Họng thông thường, chuyên sâu và các cấp cứu trong Tai - Mũi - Họng.		✓
PLO 5	Thực hiện thành thạo các thủ thuật, phẫu thuật Tai - Mũi - Họng thông thường và chuyên sâu.		✓
PLO 6	Sử dụng thành thạo một số thiết bị y tế trong chẩn đoán và điều trị các bệnh Tai - Mũi - Họng.		✓
PLO 7	Tổng hợp, làm giàu và bổ sung tri thức chuyên môn trong quá trình hành nghề	✓	
PLO8	Tham gia tổ chức, quản lý, quản trị các hoạt động nghề nghiệp	✓	
PLO9	Thực hiện thành thạo kỹ năng viết đề cương, thu thập, phân tích, trình bày kết quả nghiên cứu khoa học	✓	

<b>III. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm (tham khảo đa liệu)</b>			
PLO 10	Chủ động đưa ra những sáng kiến có giá trị thực tiễn, ý nghĩa khoa học trong vận hành và cải tiến hoạt động chuyên ngành Tai - Mũi - Họng. Ra quyết định mang tính chất chuyên gia.	✓	
PLO 11	Thích ứng với môi trường làm việc thay đổi, tự định hướng và dẫn dắt người khác trong quá trình thực hành nghề nghiệp.	✓	
PLO 12	Chủ động học tập, nghiên cứu và có trách nhiệm cao trong thực hành và phát triển nghề nghiệp.	✓	

#### **IV. Ma trận tương quan giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo**

<b>Mục tiêu chương trình đào tạo (PEO)</b>	<b>Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)</b>											
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PI011	PLO12
PEO 1	✓	✓										
PEO 2			✓	✓	✓	✓						
PEO 3							✓	✓			✓	✓
PEO 4							✓		✓	✓		
PEO 5								✓			✓	✓

#### **V. Thông tin tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp**

##### **1. Thông tin tuyển sinh**

Cá nhân tham gia dự tuyển CKII chuyên ngành Tai Mũi Họng phải có đủ điều kiện sau:

1. Yêu cầu về bằng: có bằng CKI/BSNT hoặc Thạc sĩ chuyên ngành Tai Mũi Họng
2. Yêu cầu về chuyên môn: Sau khi tốt nghiệp CKI/BSNT hoặc sau khi tốt nghiệp Thạc sĩ 36 tháng. Có chứng chỉ hành nghề khám chữa bệnh
3. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự
4. Yêu cầu về sức khỏe: có đủ sức khỏe học tập và công tác theo quy định

## 2. Điều kiện tốt nghiệp

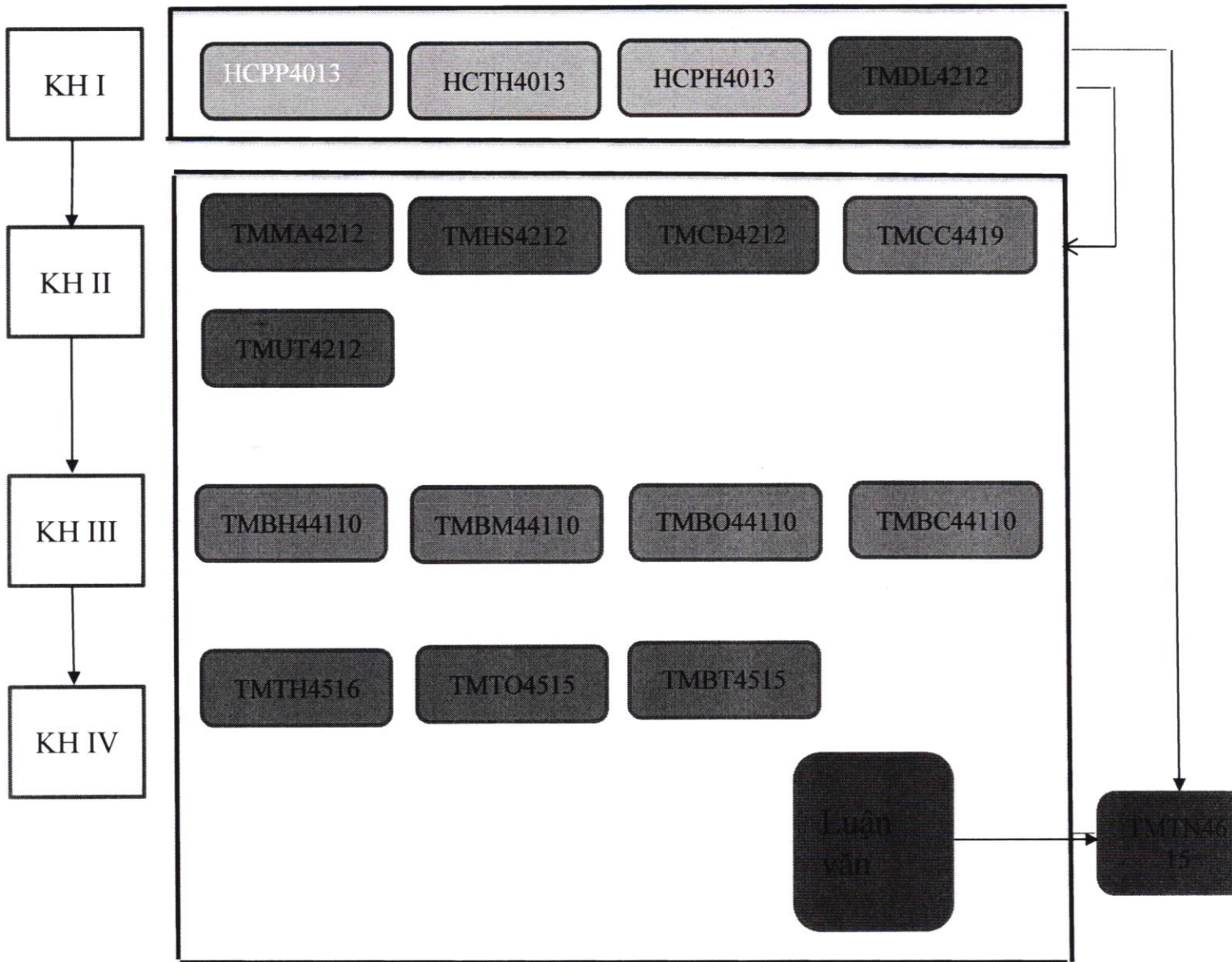
1. Hoàn thành, thi đạt toàn bộ chứng chỉ chuyên ngành và các môn chung, môn hỗ trợ.
2. Không trong thời gian chịu thi hành kỷ luật
3. Hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với nhà trường

## VI. Cấu trúc chương trình (Curriculum Structure)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số tín chỉ (%)	Số giờ tín chỉ			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP song hành	Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức cơ bản: 9 (11,25%)</b>									
<b>1.1</b>	<b>Học phần/module bắt buộc: Ghi rõ số tín chỉ</b>									
1	HCPP4 013	Phương pháp giảng dạy lâm sàng	3 (2/1)	30	30	90				1
2	HCTH 4013	Tin học ứng dụng	3 (1/2)	15	60	75	TMPP 4013			1
3	HCPH 4013	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3 (2/1)	30	30	90	TMTH 4013			1
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức cơ sở ngành: 10 (12,5 %)</b>									
<b>2.1</b>	<b>Học phần/module bắt buộc: 10 tín chỉ</b>									
4	TMMA 4212	Mắt	2 (1/1)	15	30	55	TMPH 4013			2
5	TMHS 4212	Hồi sức cấp cứu	2 (1/1)	15	30	55	TMMA 4212			2
6	TMDL 4212	Dược lâm sàng	2 (1/1)	15	30	55	TMHS 4212			1
7	TMCD 4212	Chẩn đoán hình ảnh	2 (1/1)	15	30	55	TMDL 4212			2
8	TMUT 4212	Ung thư	2 (1/1)	15	30	55	TMCD 4212			2

<b>III</b>	<b>Khối kiến thức chuyên ngành: 50 tín chỉ (62,5%)</b>										
<b>3.1</b>	<b>Học phần/module bắt buộc: 39 tín chỉ (48,75%)</b>										
9	TMCC 4419	Cấp cứu Tai mũi họng	9 (3/6)	45	180	225	HP thuộc khối kt cơ sở				2
10	TMBH 44110	Bệnh học Tai xương thái ương chuyên sâu	10 (2/8)	30	240	230	HP thuộc khối KT cơ sở				3
11	TMBO 44110	Bệnh học mũi xoang chuyên sâu	10 (2/8)	30	240	230	HP thuộc khối KT cơ sở				3
12	TMBC 44110	Bệnh học họng thanh quản chuyên sâu	10 (2/8)	30	240	230	HP thuộc khối KT cơ sở				3
<b>3.2</b>	<b>Học phần/module tự chọn (nếu có): 11 tín chỉ (13,75%)</b>										
13	TMTH 4516	Thanh học	6 (2/4)	30	120	150					4
14	TMTO 4515	Thính học	5 (1/4)	15	120	105					4
15	TMBT 4515	Bệnh học thực quản	5 (1/4)	15	120	105					4
<b>IV</b>	<b>Tốt nghiệp và luận văn: 11 tín chỉ</b>										
16	TMTN 4615	Ôn và thi tốt nghiệp	1 (1/4)	15	120	105					4
17	TMLV 4818	Luận văn	8 (8/0)	120	0	180					4
<b>Tổng số</b>			<b>80</b>								

## VII. Tiến trình dạy - học (Curriculum Mapping)



Ghi chú: HP học trước →

Khối kiến thức chung	Khối kiến thức cs ngành
Khối kiến thức chuyên ngành	HP tự chọn



**VIII. Mức độ đóng góp của các học phần/module vào chuẩn đầu ra chương trình đào tạo**

TT	Mã HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	HCPP4013	H						M	L	M		M	M
2	HCTH4013	H						M	L	H		M	M
3	HCPH4013	H						M	L	H		M	M
4	TMMA4212		H	M				M			M		
5	TMHS4212		H	M				M			M		
6	TMDL4212		H	M				M			M		
7	TMCD4212		H	M				M			M		
8	TMUT4212		H	M				M			M		
9	TMCC4419		H	H	H	H	H	H	M	H	M	M	H
10	TMBH44110		H	H	H	H	H	H	M	H	M	M	H
11	TMBO44110		H	H	H	H	H	H	M	H	M	M	H
12	TMBC44110		H	H	H	H	H	H	M	H	M	M	H
13	TMTH4516		H	H	H	H	H	H	M	H	M	M	H
14	TMTO4515		H	H	H	H	H	H	M	H	M	M	H
15	TMBT4515		H	H	H	H	H	H	M	H	M	M	H
16	TMTN4613		H	H	H	H		H	M	H	M	M	H
17	TMLV4818	H	H	H	H	M	M	H	M	H	H	H	H

Mức độ đóng góp: L: Low = thấp; M: Medium = trung bình M; H: High = mức cao

**IX. Ma trận tương quan giữa phương pháp dạy - học và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo**

Phương pháp dạy - học	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)												
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
Thuyết trình	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x
Case lâm sàng		x	x	x	x	x	x		x	x			x

Phương pháp dạy - học	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
kiến tập		x	x	x	x	x	x					
Đi buồng		x	x	x	x	x	x	x				
Thảo luận nhóm		x	x	x	x	x	x			x	x	
Thảo luận ca bệnh		x					x	x	x	x		

## X. Đánh giá kết quả học tập (Learning Assessment)

### 1. Hình thức, nội dung đánh giá

Đánh giá	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)	Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)
Chuyên cần	1,2,3	- Đi học > 80% buổi học, tham gia tích cực các hoạt động trên lớp. - Hoàn thành các chỉ tiêu lâm sàng >80% số lượng chỉ tiêu	10%
Thường xuyên	1,2,3,4	Làm bài đúng nội dung, đúng đáp án trình bày sạch đẹp.	10%
Giữa học (Đánh giá kỹ năng lâm sàng trên ca bệnh)	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	- Lập luận chặt chẽ đưa ra được chẩn đoán. - Phân tích được các dữ liệu cận lâm sàng đã có, ra quyết định cận lâm sàng cần làm để giúp chẩn đoán và điều trị. - Phân tích và cho phương pháp điều trị đúng với chẩn đoán - Trình bày sạch đẹp	30%
Kết thúc học phần (đánh giá chuyên đề)	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	- Trình bày sạch đẹp, đầy đủ đề mục theo hướng dẫn của phòng Sau đại học - Nội dung có tính cập nhật, chính xác. - Báo cáo rõ ràng, đủ thời gian. - Trả lời được câu hỏi.	50%

**2. Ma trận tương quan giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo**

Đánh giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)											
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
Tự luận		x			x		x					
Tiểu luận	x	x	x	x	x	x	x	x	x	X		
Báo cáo chuyên đề	x	x	x	x	x	x	x	x	x	X	x	X
TH Theo bảng kiểm		x	x	x	x	x	x					

**XI. Đối sánh (Benchmarking)**

**1. Đối sánh với các chương trình đào tạo trong và ngoài nước**

CTĐT đã được đối sánh với các CTĐT của các trường Đại học trong và ngoài nước cùng chuyên ngành làm cơ sở xây dựng CTĐT

Mô tả	Trường Học viện Quân Y		Trường ĐH Y Hà Nội		Trường ĐH Y Dược Hồ Chí Minh		Trường ĐH Y Dược Thái Nguyên	
	Tín chỉ	Tỉ lệ (%)	Tín chỉ	Tỉ lệ (%)	Tín chỉ	Tỉ lệ (%)	Tín chỉ	Tỉ lệ (%)
Kiến thức cơ bản	10	20	12	12	10	12.5	9	11.25
Kiến thức cơ sở ngành	0	0	12	12	10	12.5	10	12.5
Kiến thức chuyên ngành	30	60	54	54	60	42.5	51	62.5
Tự chọn	0	0	0	0	0	0	0	0
Tốt nghiệp	10	20	22	22	10	12.5	11	13.75
<b>Tổng</b>	<b>50</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>80</b>	<b>100</b>	<b>80</b>	<b>100</b>

## 2. Đối sánh kết quả khảo sát các bên liên quan

Kết quả khảo sát các bên liên quan được tổng hợp, đối sánh làm căn cứ xây dựng/cải thiện chất lượng CTĐT:

Các bên liên quan	Kết quả khảo sát	Nội dung xây dựng/cải thiện CTĐT
Chuyên gia y tế/giáo dục	Lượng kiến thức chuyên ngành sâu rộng chuyên hóa.	Xây dựng chương trình đảm bảo cơ bản phù hợp chuyên ngành Tai mũi họng
Cựu sinh viên	Cần thiết thực tập tại phòng khám, bệnh viện chuyên khoa Tai mũi họng	Xây dựng mô hình chuẩn phòng khám chuyên khoa
Nhà tuyển dụng	Cần chú trọng đào tạo kỹ năng mềm.	Chú trọng đào tạo kỹ năng mềm
Giảng viên	Cần chú trọng vào đào tạo thực hành	Xây dựng thời lượng các môn học thực hành tăng lên

## XII. Mô tả tóm tắt các học phần/module thuộc chương trình đào tạo

### 1. Phương pháp giảng dạy lâm sàng

Học phần phương pháp giảng dạy lâm sàng(TMPP4113) thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy ở học kì I năm thứ nhất. Học phần này sẽ trang bị cho người học phương pháp dạy- học lâm sàng để trở thành người giáo viên giảng dạy thực hành. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, đóng vai. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học chủ yếu là thảo luận nhóm, bài tập nhóm, trình bày bài giảng theo theo nhóm nhỏ. Học phần này sẽ đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO 1 (mức độ cao) PLO 7, 9, 11, 12 (mức độ trung bình), PLO 8 (mức độ thấp) của chương trình đào tạo Bác sĩ chuyên khoa cấp II chuyên ngành Tai mũi họng.

### 2. Tin học ứng dụng

Học phần Tin học ứng dụng thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy ở học kì I năm thứ nhất. Học phần này sẽ trang bị cho người học các kiến thức về tin học để ứng dụng trong lĩnh vực học tập, nghiên cứu khoa học, thực hành viết tiểu luận, báo cáo

chuyên đề, người học có khả năng lập trình, thiết kế dữ liệu, đồ họa ứng dụng, củng cố kiến thức tiếng anh, kỹ năng liên quan đến máy tính... Các phương pháp dạy- học chủ yếu là thuyết trình, kiến tập, thực hành. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học chủ yếu là thực hành, làm bài tập trên máy tính. Học phần này sẽ đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO 1 ( mức độ cao) PLO 7, 9,11, 12 (mức độ trung bình), PLO 8 (mức độ thấp) của chương trình đào tạo Bác sĩ chuyên khoa cấp II chuyên ngành Tai mũi họng.

### **3. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học**

Học phần phương pháp luận nghiên cứu khoa học thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy ở học kì I năm thứ nhất. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức và khả năng thực hành nghiên cứu khoa học. Các phương pháp dạy – học chủ yếu là thuyết trình, kiến tập. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm kiểm tra lý thuyết, báo cáo chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO 1 (mức độ cao) PLO 7, 9, 11, 12(mức độ trung bình), PLO 8(mức độ thấp) của chương trình đào tạo Bác sĩ chuyên khoa cấp II chuyên ngành Tai mũi họng.

### **4. Mắt**

Học phần Mắt thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy ở học kì II năm thứ nhất. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức về một số bệnh thường gặp trong nhãn khoa cộng đồng, mối liên quan về giải phẫu, sinh lý, bệnh lý giữa chuyên khoa Mắt và chuyên khoa Tai mũi họng. Các phương pháp giảng dạy- học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, case lâm sàng. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm làm bài kiểm tra lý thuyết, viết tiểu luận, thực hành theo bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO 2 (mức độ cao), PLO 3, 7, 10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo Bác sĩ chuyên khoa cấp II chuyên ngành Tai mũi họng

### **5. Hồi sức cấp cứu**

Học phần Hồi sức cấp cứu thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy ở học kì II năm thứ nhất. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức về một số cấp cứu thường gặp trong chuyên khoa Tai mũi họng. Các phương pháp giảng dạy- học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, case lâm sàng. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm làm bài kiểm tra lý thuyết, viết tiểu luận, thực hành theo bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO 2 (mức độ cao), PLO 3, 7, 10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo Bác sĩ chuyên khoa cấp II chuyên ngành Tai mũi họng

## **6. Dược lâm sàng**

Học phần Dược lâm sàng thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy ở học kì I năm thứ nhất. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức về sự tương tác của thuốc với các hệ sinh học, giúp sử dụng thuốc hợp lý, tránh sai sót trong vấn đề sử dụng thuốc. Các phương pháp giảng dạy- học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, case lâm sàng. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm làm bài kiểm tra lý thuyết, viết tiểu luận, thực hành theo bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO 2 (mức độ cao), PLO 3, 7, 10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo Bác sĩ chuyên khoa cấp II chuyên ngành Tai mũi họng

## **7. Chẩn đoán hình ảnh**

Học phần Chẩn đoán hình ảnh thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy ở học kì II năm thứ nhất. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức về cơ sở vật lý, nguyên lý, kỹ thuật các phương pháp chẩn đoán hình ảnh thường quy, ứng dụng chẩn đoán hình ảnh trong thực hành lâm. Các phương pháp giảng dạy- học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, case lâm sàng, đi buồng. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm làm bài kiểm tra lý thuyết, viết tiểu luận, thực hành theo bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO 2 (mức độ cao), PLO 3, 7, 10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo Bác sĩ chuyên khoa cấp II chuyên ngành Tai mũi họng.

## **8. Ung thư**

Học phần Ung thư thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy ở học kì II năm thứ nhất. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức về một số bệnh ung thư tai mũi họng thường gặp, các phương pháp chẩn đoán và điều trị ung thư. Các phương pháp giảng dạy- học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, case lâm sàng. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm làm bài kiểm tra lý thuyết, viết tiểu luận, thực hành theo bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO 2 (mức độ cao), PLO 3, 7, 10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo Bác sĩ chuyên khoa cấp II chuyên ngành Tai mũi họng

## **9. Học phần Cấp cứu Tai mũi họng**

Học phần Cấp cứu Tai mũi họng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy ở học kỳ 2 năm thứ nhất. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng về chẩn đoán, điều trị, theo dõi sau điều trị, tiên lượng

các cấp cứu trong Tai mũi họng. Học phần còn trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng trong hướng dẫn đồng nghiệp, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, giao ban, đi buồng. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm MCQ, tiểu luận, báo cáo chuyên đề, bệnh án, kỹ năng thực hành trên người bệnh. Học phần này nhằm đáp ứng CDR 2, 3, 4, 5, 6, 7, 9, 12 (mức độ cao), CDR 8, 10, 11 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo BSCKII ngành Tai mũi họng.

#### **10. Bệnh học tai xương thái dương chuyên sâu**

Học phần bệnh học tai thái dương là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy ở học kỳ 1 năm thứ hai. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng chuyên sâu về chẩn đoán, điều trị, theo dõi sau điều trị, tiên lượng các bệnh lý tai xương chũm. Học phần còn trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng trong hướng dẫn đồng nghiệp, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, giao ban. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm báo cáo chuyên đề, bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng, thi kỹ năng thực hành trên người bệnh. Học phần này nhằm đáp ứng CDR 2, 3, 4, 5, 6, 7, 9, 12 (mức độ cao), CDR 8, 10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo BSCKI ngành Tai mũi họng.

#### **11. Bệnh học mũi xoang chuyên sâu**

Học phần bệnh học mũi xoang là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy ở học kỳ 1 năm thứ hai. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng về chẩn đoán, điều trị, theo dõi sau điều trị, tiên lượng các bệnh lý mũi xoang. Học phần còn trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng trong hướng dẫn đồng nghiệp, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, giao ban, đi buồng. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm MCQ, tiểu luận, báo cáo chuyên đề, bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng, kỹ năng thực hành trên người bệnh. Học phần này nhằm đáp ứng CDR 2, 3, 4, 5, 6, 7, 9, 12 (mức độ cao), CDR 8, 10, 11 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo BSCKII ngành Tai mũi họng.

## **12. Bệnh học họng thanh quản chuyên sâu**

Học phần bệnh học đầu cổ là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy ở học kỳ 1 năm thứ hai. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng về chẩn đoán, điều trị, theo dõi sau điều trị, tiên lượng các bệnh lý vùng đầu cổ thường gặp. Học phần còn trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng trong hướng dẫn đồng nghiệp, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, giao ban, đi buồng, ca lâm sàng. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm MCQ, tiểu luận, báo cáo chuyên đề, bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng, thực hành trên người bệnh. Học phần này nhằm đáp ứng CDR 2, 3, 4, 5, 6, 7, 9, 12 (mức độ cao), CDR 8, 10, 11 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo BSCKII ngành Tai mũi họng

## **13. Học phần Thanh học**

Học phần Thanh học là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy ở học kỳ 2 năm thứ hai. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về chẩn đoán, điều trị, theo dõi sau điều trị, tiên lượng các bệnh lý liên quan tới vấn đề Thanh học thường gặp. Học phần còn trang bị cho người học những kiến thức trong hướng dẫn đồng nghiệp, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, giao ban, đi buồng. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm MCQ, tiểu luận, báo cáo chuyên đề, bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng, thi kỹ năng thực hành trên người bệnh. Học phần này nhằm đáp ứng CDR 2, 3, 4, 5, 6, 7, 9, 12 (mức độ cao), CDR 8, 10, 11 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo BSCKII ngành Tai mũi họng

## **14. Học phần Thính học**

Học phần Thính học là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy ở học kỳ 2 năm thứ hai. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về chẩn đoán, điều trị, theo dõi sau điều trị, tiên lượng các bệnh lý liên quan tới vấn đề Thính học thường gặp. Học phần còn trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng trong hướng dẫn đồng nghiệp, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, giao ban, đi buồng. Các



phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm MCQ, tiểu luận, báo cáo chuyên đề, bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng. Học phần này nhằm đáp ứng CĐR 2, 3, 4, 5, 6, 7, 9, 12 (mức độ cao), CĐR 8, 10, 11 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo BSCCKII ngành Tai mũi họng

### **15. Học phần Bệnh học thực quản**

Học phần Bệnh học thực quản là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy ở học kỳ 2 năm thứ hai. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về chẩn đoán, điều trị, theo dõi sau điều trị, tiên lượng các bệnh lý liên quan tới các bệnh lý thực quản thường gặp có liên quan tới chuyên ngành Tai mũi họng. Học phần còn trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng trong hướng dẫn đồng nghiệp, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, giao ban, đi buồng, ca lâm sàng, hướng dẫn phẫu thuật/ thủ thuật/kỹ thuật trên bệnh nhân. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm MCQ, tiểu luận, báo cáo chuyên đề, bệnh án. Học phần này nhằm đáp ứng CĐR 2, 3, 4, 5, 6, 7, 9, 12 (mức độ cao), CĐR 8, 10, 11 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo BSCCKII ngành Tai mũi họng

### **16. Học phần tốt nghiệp**

Học phần Tốt nghiệp là học phần được dạy ở học kỳ 2 năm thứ hai. Học phần này sẽ trang bị, tổng hợp cho người học những kiến thức, kỹ năng về chẩn đoán, điều trị, theo dõi sau điều trị, tiên lượng các bệnh lý chuyên ngành Tai mũi họng. Học phần còn trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng trong hướng dẫn đồng nghiệp, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, giao ban, đi buồng. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm MCQ, tiểu luận, báo cáo chuyên đề, bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng. Học phần này nhằm đáp ứng CĐR 2, 3, 4, 6, 7, 9, 12 (mức độ cao), CĐR 8, 10, 11 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo BSCCKII ngành Tai mũi họng

### **17. Luận văn tốt nghiệp**

Học phần luận văn chuyên khoa 2 là học phần bắt buộc, có tính đặc thù, được thực hiện qua các bước: xây dựng đề cương, thu thập số liệu, tài liệu tham khảo, xử lý số liệu, viết luận văn, báo cáo bảo vệ luận văn. Để thực hiện được học phần này, học

phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm MCQ, tiểu luận, báo cáo chuyên đề, bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng. Học phần này nhằm đáp ứng CDR 2, 3, 4, 5, 6, 7, 9, 12 (mức độ cao), CDR 8, 10, 11 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo BSCKII ngành Tai mũi họng

### **15. Học phần Bệnh học thực quản**

Học phần Bệnh học thực quản là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy ở học kỳ 2 năm thứ hai. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về chẩn đoán, điều trị, theo dõi sau điều trị, tiên lượng các bệnh lý liên quan tới các bệnh lý thực quản thường gặp có liên quan tới chuyên ngành Tai mũi họng. Học phần còn trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng trong hướng dẫn đồng nghiệp, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, giao ban, đi buồng, ca lâm sàng, hướng dẫn phẫu thuật/ thủ thuật/kỹ thuật trên bệnh nhân. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm MCQ, tiểu luận, báo cáo chuyên đề, bệnh án. Học phần này nhằm đáp ứng CDR 2, 3, 4, 5, 6, 7, 9, 12 (mức độ cao), CDR 8, 10, 11 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo BSCKII ngành Tai mũi họng

### **16. Học phần tốt nghiệp**

Học phần Tốt nghiệp là học phần được dạy ở học kỳ 2 năm thứ hai. Học phần này sẽ trang bị, tổng hợp cho người học những kiến thức, kỹ năng về chẩn đoán, điều trị, theo dõi sau điều trị, tiên lượng các bệnh lý chuyên ngành Tai mũi họng. Học phần còn trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng trong hướng dẫn đồng nghiệp, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, giao ban, đi buồng. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm MCQ, tiểu luận, báo cáo chuyên đề, bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng. Học phần này nhằm đáp ứng CDR 2, 3, 4, 6, 7, 9, 12 (mức độ cao), CDR 8, 10, 11 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo BSCKII ngành Tai mũi họng

### **17. Luận văn tốt nghiệp**

Học phần luận văn chuyên khoa 2 là học phần bắt buộc, có tính đặc thù, được thực hiện qua các bước: xây dựng đề cương, thu thập số liệu, tài liệu tham khảo, xử lý số liệu, viết luận văn, báo cáo bảo vệ luận văn. Để thực hiện được học phần này, học



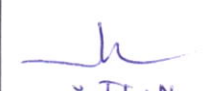

viên cần có giảng viên hướng dẫn và chỉ được bảo vệ khi đã hoàn thành toàn bộ học phần chuyên ngành. Thời gian thực hiện liên tục từ kỳ 2 của CTĐT. Học viên cần đạt học phần tốt nghiệp trước khi bảo vệ luận văn. Học phần này đáp ứng chuẩn đầu ra số 1, 2, 3, 4, 7, 9, 10, 11, 12 (ở mức độ cao); PLO 5, 6, 8 (mức trung bình) của CTĐT.

### XIII. Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo

Bộ môn Tai Mũi Họng có 08 giảng viên tham gia giảng dạy chương trình đào tạo Bác sỹ chuyên khoa cấp II chuyên ngành Tai mũi họng trong đó có 04 PGS.TS, 01 BS CK Cấp II, 04 Thạc sỹ (cơ hữu và thỉnh giảng). Người học học lý thuyết tại giảng đường bộ môn Tai mũi họng tại Khoa Tai mũi họng - Bệnh viện Trung Ương Thái Nguyên và giảng đường trường Đại học Y Dược Thái Nguyên, học thực hành tại hoa Tai mũi họng - Bệnh viện Trung Ương Thái Nguyên và Khoa Tai mũi họng - trường Đại học Y Dược Thái Nguyên và thực tập tại phòng thí nghiệm.

### XIV. Ngày phê duyệt lần đầu:

### V. Tiến trình cập nhật

TT	Tóm tắt nội dung cập nhật	Ngày cập nhật	Tổ trưởng tổ rà soát (Ký, ghi rõ họ tên)	Trưởng khoa/ Bộ môn (Ký, ghi rõ họ tên)
1	Điều chỉnh nội dung và cấu trúc theo mẫu ban hành kèm theo QĐ số 610/QĐ-ĐHYD ngày 09/04/2021	4/2021	 Nguyễn Thị Ngọc Anh	 Trần Văn Tuấn
2	Sửa lại mục tiêu, CDR theo CV số 1398/ĐHYD-TTKT ngày 22/10/2021	12/2021	 Nguyễn Thị Ngọc Anh	 Trần Văn Tuấn


### XVI. Thành phần phê duyệt




**HIỆU TRƯỞNG**  
PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng

**Ban Giám hiệu**

**Hội đồng Khoa/Bộ môn**

  
Trần Văn Tuấn

**Tổ trưởng xây dựng/  
rà soát**

  
Nguyễn Thị Ngọc Anh

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
CHUYÊN KHOA II CHUYÊN NGÀNH TAI MŨI HỌNG**

THÁI NGUYÊN, NĂM 2022